

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST

Ngày: 01- 4 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Lộc

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trương Quang Lương

Bà Dương Thị Hồng Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-KDTM ngày 30/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-KDTM ngày 01/3/2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N, địa chỉ: Thôn, xã N, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông L, Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông T, ông Mai A; địa chỉ nhận các thông báo tố tụng: Khu Công nghiệp Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ông Ph, ông H có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư N, Văn phòng Luật sư Kết Nối, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 53/53 Vũ Xuân Thiều, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần V; địa chỉ: Số Quang Trung, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh Nghi, Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023 và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Ph, ông H trình bày:

Ngày 25/5/2015, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới (Nay là Công ty Cổ phần Việt) và Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng N có thỏa thuận ký kết Hợp đồng Mua Bán số 225/HĐMB/318-NA “Về việc: *Mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công dự án trung tâm thương mại, Dịch vụ*”, đến ngày 17/7/2015 hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 01 và đến tháng 11/2015 ký tiếp Phụ lục Hợp đồng số 02 kèm theo Hợp đồng số 225/HĐMB/318-NA.

Theo đó, tại Điều 1 Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng số 01 quy định về đơn giá cụ thể và giá trị hợp đồng căn cứ vào khối lượng bê tông thương phẩm thực tế Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng N cung cấp cho Công ty Cổ phần V khi kết thúc hợp đồng nhân với đơn giá hợp đồng. Mặt khác, trong Điều 4 của Hợp đồng, có thỏa thuận về thời gian thanh toán: Công ty Cổ phần Việt Group sẽ chuyển tiền trước 100% theo giá trị khối lượng từng đơn đặt hàng. Đối với đơn đặt hàng thứ 2 trở lên Công ty Cổ phần V sẽ chuyển tiền trước cho Công ty chúng tôi 100% giá trị đơn hàng sau khi khấu trừ các khoản phạt hợp đồng. Công ty Cổ phần V sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng cho Công ty chúng tôi khi hai bên kết thúc hợp đồng. Từ ngày 14/5/2018 đến ngày nay, hai công ty đã thực hiện ký kết các biên bản đối chiếu công nợ với tổng dư nợ là 1.496.715.000 VNĐ. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn thanh toán hóa đơn từ rất lâu nhưng Công ty Cổ phần V vẫn không thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc cho công ty chúng tôi. Mặc dù, Công ty chúng tôi đã hoàn thành việc cung cấp đầy đủ hàng theo tiến độ nhưng Công ty Việt Group lại có hành vi không thực hiện thanh toán trong hợp đồng thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005 “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*”, kèm theo đó Công ty V sẽ phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định tại Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”.

Căn cứ tại Điều 6 Hợp đồng số 225/HĐMB/318-NA “*Nếu không thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 [Điều kiện thanh toán] của Hợp đồng này vượt quá thời gian quy định thì Bên A phải trả thêm cho Bên B tiền lãi chậm trả = số ngày quá hạn x lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng*”. Do đó, ngoài số tiền nợ gốc phải trả, Công ty V phải thực hiện thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ thời điểm Công ty Việt Group xác nhận công nợ lần cuối. Lãi suất quá hạn được xác định vào ngày 22/8/2023 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam áp dụng lãi suất vay ngắn hạn của doanh nghiệp vừa và nhỏ là 8%/năm.

Về thời gian tính lãi chậm trả: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng N yêu cầu tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 14/5/2018 đến 01/4/2024 là 2149 ngày 704.973.268 đồng.

Vậy kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại, buộc Công ty Cổ phần V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty chúng tôi số tiền tính đến ngày 01/4/2024 là 2.201.688.268 đồng, trong đó, nợ gốc 1.496.715.000 đồng, nợ lãi 704.973.268 đồng.

* Ý kiến của bị đơn Công ty cổ phần Việt Group do ông H đại diện trình bày:

Ông Nghi nhất trí với Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/5/2018 giữa Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N với Công ty cổ phần V. Công nhận số nợ hiện tại Công ty cổ phần V hiện đang nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/5/2018 với số tiền 1.496.715.000 đồng.

Theo công văn ngày 13/11/2023 giữa Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N và Công ty Cổ phần V thì ông Nghi đề nghị trả nợ theo lộ trình trả nợ theo thỏa thuận của 02 bên và dựa theo biên bản đối chiếu công nợ và biên bản thỏa thuận không có quy định tính lãi nên Công ty Cổ phần V không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán” tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh phía bị đơn có trụ sở tại thành phố Đồng Hới. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các bên đã đến Tòa án làm bản tự khai, lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bên đương sự không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ 3 các bên nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và điện thoại cho Tòa án đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N yêu cầu Công ty cổ phần V phải trả số tiền gốc 1.496.715.000 đồng.

Công ty cổ phần thi công cơ giới (Nay là Công ty cổ phần V, (được gọi tắt bên A) và Công ty cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng N (được gọi tắt bên B) có thỏa thuận ký kết Hợp đồng Mua bán số: 225/HĐMB/318-NA “Về việc: *Mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công dự án trung tâm thương mại, Dịch vụ G*”, đến ngày 17/7/2015 hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 01 và đến tháng 11/2015 ký tiếp Phụ lục Hợp đồng số 02 kèm theo Hợp đồng số 225/HĐMB/318-NA.

Theo đó, tại Điều 1 Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng số 01 quy định về đơn giá cụ thể và giá trị hợp đồng căn cứ vào khối lượng bê tông thương phẩm thực tế bên B cung cấp cho bên A khi kết thúc hợp đồng nhân với đơn giá hợp đồng. Mặt khác, trong Điều 4 của Hợp đồng, có thỏa thuận về thời gian thanh toán: bên A sẽ chuyển tiền trước 100% theo giá trị khối lượng từng đơn đặt hàng. Đối với đơn đặt hàng thứ 2 trở lên bên A sẽ chuyển tiền trước cho bên B 100% giá trị đơn hàng sau khi khấu trừ các khoản phạt hợp đồng. bên A sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng cho bên B khi hai bên kết thúc hợp đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng bên B đã thực hiện việc cung cấp bê tông thương phẩm cho bên A các bên đã thừa nhận và đã thực hiện các nội dung của hợp đồng

nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Khi tham gia ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự.

Ngày 14/5/2018 bên A và bên B đã thực hiện ký kết biên bản đối chiếu công nợ với tổng dư nợ là 1.496.715.000 đồng. Tại phiên bị đơn vắng mặt nhưng trong quá trình hoà giải bên A đã thừa nhận khoản nợ trên nhưng chưa thanh toán xin thanh toán theo lộ trình tại công văn ngày 13/11/2023 ký giữa bên A và bên B.

Tuy nhiên, bên A không trả theo lộ trình hai bên đã ký kết để trả tiền cho bên B nên bên B không đồng ý thực hiện trả theo lộ trình. Do đó, buộc bên A phải thanh toán cho bên B số tiền nợ gốc 1.496.715.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N yêu cầu Công ty cổ phần V phải trả số tiền lãi tính từ ngày 14/5/2018 đến 01/4/2024 là 2149 ngày 704.973.268 đồng.

Căn cứ tại khoản 6.1 Điều 6 Hợp đồng số 225/HĐMB/318-NA quy định *“Nếu không thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 [Điều kiện thanh toán] của Hợp đồng này vượt quá thời gian quy định thì Bên A phải trả thêm cho Bên B tiền lãi chậm trả = số ngày quá hạn x lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng”*.

Như vậy, ngoài số tiền nợ gốc phải trả cho bên B thì bên A phải trả lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả cho bên B theo Lãi suất quá hạn được xác định tại thời điểm xét xử tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP đầu tư Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam áp dụng lãi suất vay ngắn hạn của doanh nghiệp vừa và nhỏ bình quân là 8.2%/năm. Phù hợp mức mà bên B đưa ra 8% năm. Thời gian mốc tính lãi kể từ ngày các bên có biên bản đối chiếu công nợ giữa bên A và bên B là ngày 14/5/2018. Do đó buộc bên A phải trả lãi cho bên B là 704.973.268 đồng.

[4] Tổng cộng bên A phải trả gốc và lãi cho bên B tính đến ngày 01/4/2024 là 2.201.688.268 đồng, trong đó, nợ gốc 1.496.715.000 đồng, nợ lãi: 704.973.268 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên tổng số tiền được chấp nhận là 2.201.688.268 đồng là 72.000.000 đồng cộng 2 % của phần vượt quá 2 tỷ đồng, 201.688.268 đồng x 2% = 4.033.000 đồng + 72.000.000 đồng = 76.033.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí trả lại án phí cho nguyên đơn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 306 Luật thương mại; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N.

2. Buộc Công ty cổ phần V phải trả cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh II số tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/4/2024 là 2.201.688.268 đồng (*Ghi bằng chữ: hai tỷ, hai trăm linh một triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó, số tiền gốc là 1.496.715.000 đồng, số tiền lãi 704.973.268 đồng.

Kể từ ngày 02/4/2024 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 13, 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Buộc Công ty cổ phần V phải chịu án phí 76.033.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

- Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.315.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001696 ngày 20/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 01/4/2024, bị đơn, vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc

